TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **218**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Lên

Bà Lưu Xông Pha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã K, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp I, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc N và anh Nguyễn Minh P tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau ngày 27/12/2001. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Loan T (nữ), sinh năm 2001, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thảo N1 (nữ), sinh ngày 27/9/2008 và Nguyễn Minh P1 (nam), sinh ngày 29/6/2015, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N và anh P tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Minh P đúng theo quy định pháp luật, nhưng anh P không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc N và anh Nguyễn Minh P tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau) ngày 27/12/2001 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc N, thấy rằng: Hiện nay chị N không còn tình cảm yêu thương anh P và quyết tâm mong muốn được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh P vắng mặt, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị N. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Trường hợp tiếp tục chung sống với anh P sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh P.

[3] Về con chung: Chị N và anh P có 03 người con chung.

[3.1] Đối với Nguyễn Loan T (nữ), sinh năm 2001, hiện nay đã trưởng thành, điều kiện phát triển về thể chất và khả năng nhận thức bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thảo N1 (nữ), sinh ngày 27/9/2008 và Nguyễn Minh P1 (nam), sinh ngày 29/6/2015, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến nay. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, anh P không có văn bản thể hiện ý kiến về quyền nuôi con. Cho nên để bảo đảm quyền lợi của con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử xem xét trên cơ sở nguyện vọng của con chung mong muốn tiếp tục sống chung với chị N và điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn của chị N vẫn bảo đảm, cuộc sống ổn định nên cần giao cháu Thảo N1 và Minh P1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa

vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị N không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị N tự thoả thuận với anh P, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc N ly hôn với anh Nguyễn Minh P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thảo N1 (nữ), sinh ngày 27/9/2008 và Nguyễn Minh P1 (nam), sinh ngày 29/6/2015 cho chị Nguyễn Ngọc N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Minh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ngày 04/8/2025, chị Nguyễn Ngọc N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai số 0011539 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- UBND xã K, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Minh Út